TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 283/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 17 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 54, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 407/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Trần Đặng Mỹ D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Lâm H, xã Th, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu phố E, phường N, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH

[1] Bà Trần Đặng Mỹ D và ông Nguyễn Anh T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường N, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 184/2019, ngày 16/07/2019. Nay ông, bà xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Đặng Mỹ D và ông Nguyễn Anh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông, bà có 02 con chung là: Nguyễn Trần Tuấn K (nam), sinh ngày 09/01/2020 và Nguyễn Trần Minh K1 (nam), sinh ngày 20/04/2024. Vợ chồng thỏa thuận bà Trần Đặng Mỹ D trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Trần Tuấn K và Nguyễn Trần Minh K1 sau khi ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Đặng Mỹ D và ông Nguyễn Anh T nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010353 ngày 03/06/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Đặng Mỹ D và ông Nguyễn Anh T đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV 10 – Lâm Đồng;
- UBND P.N;
- Phòng THADS KV 10 – Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Xuân Vi

TAND KHU VỰC 10
JOA270526.TL.QDBA
1313